

Số: 120 /TB-HĐTDVC

Tân Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức
đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo
quận Tân Bình năm học 2022 - 2023**

Căn cứ Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2022 – 2023 (gọi tắt là Hội đồng tuyển dụng viên chức),

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo nội dung như sau:

1. Danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2022 – 2023 tính đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2022 (đính kèm Danh sách).

2. Người đăng ký dự tuyển viên chức tự rà soát (họ tên, năm sinh, vị trí dự tuyển, đơn vị dự tuyển, bằng cấp, chứng chỉ, đối tượng ưu tiên...); đồng thời chịu trách nhiệm về thông tin cá nhân được niêm yết danh sách công khai trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình: <https://tanbinh.hochiminhcity.gov.vn> và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo: <https://pgdtanbinh.hcm.edu.vn>.

Nếu có thông tin điều chỉnh, bổ sung đề nghị người đăng ký dự tuyển viên chức thông báo điều chỉnh **chậm nhất đến 9 giờ 00 phút ngày 06 tháng 9 năm 2022** thông qua bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thành viên Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức - Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo quận. Số điện thoại liên hệ: 028.39490832 (trong giờ hành chính).

* **Lưu ý:** Người đăng ký dự tuyển viên chức thường xuyên theo dõi trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình (<https://tanbinh.hochiminhcity.gov.vn>) và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo (<https://pgdtanbinh.hcm.edu.vn>) để kịp thời cập nhật thông tin mới nhất.

Trên đây là nội dung thông báo danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2022 – 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức./

Nơi nhận:

- TTUB: CT (để b/c);
- Thành viên HĐTDVC;
- Ban Giám sát (theo QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 05/8/2022);
- Lưu: VT, Y.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Tùng Khương

UBND QUẬN TÂN BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2022 - 2023 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: GIÁO VIÊN)

(kèm theo Thông báo số 120 /TB-HĐTDVC ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sự phạm	Nghị quyết vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẬC MẦM NON														
1	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/06/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Anh văn B1	CNTT nâng cao				
2	Trịnh Hoài Yến	16/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
3	Nguyễn Thị Trâm	02/8/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục Mầm non	Anh văn B	A				
4	Phạm Thị Huyền Thương	26/11/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Tin học văn phòng				
5	Nguyễn Thị Sơn	17/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 6	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	Anh văn B	Ứng dụng VP nâng cao				
6	Hoàng Thu Thủy	16/11/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
7	Trần Thị Kim Ngân	01/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn A2	Ứng dụng CNTT				
8	Nguyễn Hoàng Mỹ	10/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
9	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
10	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/12/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
11	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	22/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
12	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/01/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
13	Lưu Ngọc Trinh	21/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
14	Lê Thị Hồng Khanh	20/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
15	Trần Minh Bảo Châu	10/10/2000	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
16	Thái Thị Thùy Dương	13/09/1990	Nữ	Khmer	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cử nhân	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Khmer	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
17	Vi Thị Trà My	11/6/2000	Nữ	Tày	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản			dân tộc Tày	
18	Trần Đình Ngọc Phương	18/11/1983	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	Chứng chỉ tin học			dân tộc Hoa	
19	Phạm Thị Lương	21/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
20	Đàm Lâm Như	02/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
21	Lý Ngô Anh Thư	07/9/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	A				
22	Thân Thị Ngọc Quyên	10/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
23	Lại Thị Kim Thy	26/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn C	CNTT cơ bản	bồi dưỡng nghiệp vụ GDMN			
24	Phạm Lê Bảo Trân	11/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT nâng cao				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
25	Bùi Ngọc Yến Nhi	09/7/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ				
26	Chu Lê Xuân Dung	03/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
27	Trương Phan Quỳnh Như	27/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT nâng cao				
28	Lê Thị Mai	30/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 13	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
29	Hoàng Thị Tương	23/12/1997	Nữ	Nùng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 13	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Nùng	
30	Hồ Thị Bích	15/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	Tương đương với 03 HP trong chương trình GD				
31	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	16/7/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
32	Lê Thị Kim Ngân	17/06/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Tương đương với 03 HP trong chương trình GD	UDCNT T				
33	Lê Mộng Huệ Linh	28/10/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
34	Cổng Thị Thanh Kiều	11/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
35	Hồ Thị Thiên Kiều	14/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học ứng dụng				
36	Phạm Ngọc Thanh Tuyền	31/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non (GCN tốt nghiệp tạm thời)	Tiếng Anh bậc 3	CNTT cơ bản				
37	Trịnh Ngọc Phương Anh	30/04/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh bậc 3	CNTT cơ bản				
38	Phạm Thị Nga	14/8/1971	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục Mầm non	Anh văn B	A				
39	Nguyễn Thị Lan Trinh	13/08/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục Mầm non	Anh văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
40	Nguyễn Thanh Thảo Vy	25/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
41	Võ Ngọc Hoa	01/01/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
42	Lê Thị Sãn	26/01/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục Mầm non	Anh văn A2	Trung cấp Kỹ thuật lập trình; CNTT cơ bản				

CẤP TIỂU HỌC

1	Trương Công Đệ	18/3/2000	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
2	Trần Kiều Trinh	14/6/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
3	Bùi Hoàng Nhi	12/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
4	Hà Như Ngọc	15/12/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh theo 03 học phần chương trình ĐH	Học phần Chương trình cơ bản dạy học Intel trong bảng điểm				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Nghề nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
5	Phạm Thị Thanh Thủy Tiên	23/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
6	Nguyễn Hoàng Kim Yến	20/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
7	Phan Bích Ngân	04/06/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
8	Nguyễn Thị Nga	16/7/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Chứng chỉ Anh văn	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
9	Cao Thị Trúc Ly	11/09/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
10	Trần Thụy Phương Thảo	15/9/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
11	Đàm Thị Nga	02/8/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
12	Phạm Thị Thanh Nhân	14/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TKT Module1 ,2,3; TOEIC	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
13	Nguyễn Thu Hà	20/7/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Tiếng Anh thương mại	Anh văn bậc 4; tiếng Trung HSK 2	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
14	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	22/9/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Nga B	B				
15	Trần Thị Ngọc Tuyết	13/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Huấn luyện thể thao	Anh văn B	CNTT cơ bản				
16	Nguyễn Kim Ngân	03/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 705	CNTT cơ bản				
17	Nguyễn Vũ Quỳnh Nhi	01/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
18	Nguyễn Anh Thư	15/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh theo 03 học phần chương trình ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
19	Lê Huyền Vi	10/9/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
20	Đinh Thị Hồng Ân	10/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
21	Nguyễn Thị Hồng	20/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
22	Hà Phương Uyên	05/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 4 (B2)	CNTT cơ bản				
23	Hà Văn Hoan	15/01/1989	Nam	Thái	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL 363	CNTT cơ bản				không có minh chứng là dân tộc Thái
24	Nguyễn Thị Ngọc Hương	26/10/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A	Tin học phổ thông				
25	Trần Văn Thọ	14/08/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2; tiếng Nhật B1	CNTT cơ bản	Chứng chỉ			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
26	Quách Tú Quyên	18/5/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh bậc 4 (B2); Tiếng Hoa B1	C				
27	Lê Trần Thiện Mỹ	20/04/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm Anh	Anh văn C	CNTT cơ bản				
28	Nguyễn Nguyên Phúc	21/10/1997	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
29	Lê Thị Diệp	16/5/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
30	Nguyễn Thị Thủy	28/2/1975	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
31	Hồ Thị Mỹ Tiên	20/4/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
32	Võ Hồng Thắng	10/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn A2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
33	Trần Thị Thủy Tiên	24/02/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
34	Hà Thị Xuân Thảo	01/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
35	Huỳnh Ngọc Minh Thư	15/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Giáo dục tiểu học	Toeic 725	CNTT cơ bản				
36	Mai Văn Minh	22/9/1988	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản			Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị; con thương binh loại A, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người hoàn thành NVQS	
37	Phạm Thị Đẹp	02/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Pháp bậc 3	A, B, C	NVSP bậc 1			Gửi đường bưu điện
38	Trần Thị Kim Kha	26/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
39	Nguyễn Thụy Vy	01/10/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
40	Châu Vũ Ngọc Thiên Tâm	27/8/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Đã thi chờ chứng chỉ	Đã thi chờ chứng chỉ				
41	Phạm Dương Bích Thủy	04/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
42	Dương Thị Hương Sen	25/12/2000	Nữ	Cil	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Dân tộc Cil	
43	Hứa Ngọc Hiền	13/12/1999	Nữ	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Dân tộc Hoa	
44	Phạm Thị Thu Hằng	06/11/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
45	Trần Thị Nguyễn Khuyến	27/10/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Sơn Càng	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			Con thương binh	
46	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	08/11/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Sư phạm tiểu học	Anh văn B	Ứng dụng CNTT trong dạy học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
47	Phạm Trần Gia Như	30/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Sư phạm Anh	Anh văn C1	Office Word, Office Excel				
48	Lê Thị Thảo Nguyên	10/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn B1	Đại học CNTT	Chứng chỉ			
49	Lưu Quốc Dũng	18/11/1975	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Công nghệ thông tin	Không có	Đại học CNTT	Chứng chỉ			
50	Lê Thị Lệ Thu	20/8/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn C	Đại học CNTT	Nghịệp vụ SP Tin học			
51	Lê Quỳnh Như	11/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Giả	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
52	Đặng Nhật Linh	09/02/1998	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn bậc 2/6	CNTT cơ bản			GCN tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	
53	Lê Tấn Luân	27/3/1983	Nam	Kinh	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn C	Tin học cơ bản				
54	Nguyễn Lê Phương Dung	21/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	CNTT nâng cao				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
55	Đinh Vũ Ngọc Anh	26/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
56	Phạm Nguyễn Ngọc Duyên	07/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn bậc 3	CNTT nâng cao				
57	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Đại học sư phạm tiếng Anh	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
58	Phạm Thị Linh Chi	13/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bạch Đằng	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 595	CNTT cơ bản				
59	Nguyễn Hoàng Anh Thư	09/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bạch Đằng	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ														
1	Trần Đỗ Thu Hương	01/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT nâng cao				
2	Trần Thị Bích Diệp	05/08/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
3	Nguyễn Đức Soát	06/02/1983	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn B	CNTT nâng cao				
4	Phan Nữ Nhật Hạnh	12/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
5	Phạm Quốc Vinh	30/03/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
6	Huỳnh Anh Vũ	27/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn bậc 3	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
7	Huỳnh Ngân Long	15/7/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Kinh tế định lượng (Toán ứng dụng)	TOIEC 450	A	Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên ĐH, CĐ			
8	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm toán học	Theo bảng điểm ĐH	B				
9	Trần Thị Diệu Minh	02/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách đội	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản		Bằng tốt nghiệp Chương trình đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội		Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
10	Nguyễn Huỳnh Mai	17/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
11	Phạm Thị Hồng Gấm	04/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Giáo dục chính trị	Tương đương 3 học phần (theo bảng điểm)	CNTT cơ bản				
12	Trần Thị Trúc Nỉ	21/5/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Giáo dục chính trị						Gửi đường bưu điện
13	Nguyễn Thị Ý	26/3/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Lịch sử Việt Nam	Anh văn B	Tin học đại cương	Chứng chỉ			
14	Phạm Chí Thảo	17/4/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử						Gửi đường bưu điện
15	Võ Minh Thuận	18/6/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
16	Lê Thị Bích Sang	07/10/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B	A				
17	Phạm Thị Kiều Nhân	16/02/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Công nghệ Sinh học	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ			
18	Đặng Thị Sương	12/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
19	Đặng Thị Phương Yến	15/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
20	Nguyễn Công Thắng	01/01/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Toán học	Anh văn C	A	Chứng chỉ			
21	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	B				
22	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
23	Lê Thị Oanh	23/3/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Toeic 550	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
24	Phạm Thị Thanh Hiền	16/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Toeic 565	CNTT cơ bản				
25	Huỳnh Anh Kiệt	23/7/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	IELTS 5-6	A,B,C				
26	Nguyễn Thị Thanh Nữ	24/9/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Toán - Tin	Anh văn C	Đại học Toán - Tin	Nghịệp vụ sư phạm ngành Toán -Tin			
27	Huỳnh Tấn Tài	03/8/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Ứng dụng CNTT trong dạy học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
28	Nguyễn Văn Lộc	06/6/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT				
29	Quách Thị Hồng	10/9/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	A				
30	Trần Hữu Tài	08/3/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
31	Võ Thị Thủy Tiên	22/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Tin học cơ bản				
32	Trần Đăng Khoa	31/7/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Theo bảng điểm ĐH				
33	Lê Thị Cẩm Hằng	24/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
34	Chu Thị Hồng Ngọc	29/05/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
35	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/6/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
36	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	07/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
37	Vô Lê Kiều Lam	07/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
38	Đỗ Ngọc Quân Thụy	31/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
39	Lê Nguyễn Thanh Thủy	23/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	A				
40	Thạch Hữu Ái	11/12/1980	Nam	Khmer	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	A			dân tộc Khmer	
41	Hoàng Cao Thoại	13/10/1978	Nam	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
42	Ân Hoàng Vũ	31/7/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh theo 03 học phần chương trình ĐH	Ứng dụng CNTT				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
43	Đầu Thị Khánh Huyền	13/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Tiếng Nga theo chương trình Đại học	Tin học theo chương trình Đại học (môn Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm)				
44	Lưu Ngọc Ánh	12/06/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
45	Nguyễn Ngọc Anh Thy	04/12/2022	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục công dân	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
46	Trần Duy Long	21/4/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
47	Nguyễn Thị Thùy Linh	13/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
48	Lý Thúy Duy	13/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị		CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
49	Trịnh Thị Hồng Nhung	13/9/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
50	Giang Phương	28/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
51	Hồ Thủy Tiên	21/6/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
52	Nguyễn Thị Mai Hương	07/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	CNTT cơ bản				
53	Huỳnh Ngọc Kiều Duyên	19/3/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	A				
54	Trần Thị Kiều My	13/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
55	Phan Nguyễn Hoài Bảo	02/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Văn học	Anh văn B1	MOS (Word, Excel, PowerPoint)	Chứng chỉ			
56	Nguyễn Thị Huyền	10/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
57	Hà Tiểu Vân	23/11/1999	Nữ	Hoa	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản			Dân tộc Hoa	
58	Nguyễn Thiện Ân	15/7/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A				
59	Trần Thị Diệu Lan	26/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
60	Nguyễn Lê Ngọc Hân	27/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
61	Nguyễn Ngọc Trâm	21/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
62	Trần Hồng Ngọc Ngân	28/6/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 2	CNTT cơ bản				
63	Hà Thành Phong	04/02/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	A				
64	Nguyễn Thái Toàn	03/8/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 4	CNTT cơ bản				
65	Nguyễn Thị Hồng Anh	13/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 2	CNTT cơ bản				
66	Vũ Thu Trúc	15/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
67	Bùi Bích Thuận	18/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
68	Huỳnh Thị Tường Vi	27/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	B				
69	Nguyễn Thị Hạnh	04/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
70	Nguyễn Thị Phương	16/03/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	B				
71	Nguyễn Thị Loan	13/3/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	B				Gửi đường bưu điện
72	Dương Ánh Linh	24/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm địa lí	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
73	Nguyễn Thị Hồng Thêu	12/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm địa lí	Theo bảng điểm ĐH	Ứng dụng CNTT cơ bản				
74	Đặng Thị Ngân	02/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
75	Nguyễn Thị Ánh Linh	18/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT				
76	Nguyễn Linh Hoàng Vy	19/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	Tin học ứng dụng				Gửi đường bưu điện
77	Nguyễn Vũ Phương Thanh	11/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
78	Huỳnh Kim Phúc	12/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
79	Thông Thị Thu Hoàng	10/6/1998	Nữ	Ragla y	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
80	Đặng Thị Kỳ Hương	28/8/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Ngôn ngữ học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Chứng chỉ			
81	Bùi Lâm Trúc Quỳnh	20/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				
82	Nguyễn Thị Tú Uyên	27/10/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn A2	IC3				
83	Nguyễn Thị Nguyệt Đình	17/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
84	Phan Nguyễn Linh Tuyền	22/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	TOEIC 520	CNTT cơ bản				
85	Nguyễn Trọng Chánh	28/4/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách đội	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A2	A		Bằng tốt nghiệp Chương trình đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội		
86	Vũ Thanh Hương	18/12/1993	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Huấn luyện thể thao	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			QĐ quân nhân xuất ngũ	
87	Phạm Thanh Sơn	28/5/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
88	Lê Thị Hải Lê	24/07/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
89	Trần Thị Thanh Ngân	27/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
90	Đỗ Thị Trà My	02/9/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B	CNTT cơ bản				
91	Trương Thị Thu Mỹ	06/6/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B	B				
92	Bùi Bằng Trân	26/02/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục công dân	Anh văn bậc 3	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
93	Phùng Văn Tuấn	10/02/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tin học	Anh văn B	Cao đẳng CNTT	Chứng chỉ			
94	Nguyễn Đăng Khoa	14/12/1999	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản				
95	Bùi Hiền Lương	16/04/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Sư phạm)	IELTS-B2	Excel, Word 2010	GCN nghiệp vụ sư phạm			
96	Vũ Thị Ngọc Ánh	04/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Chứng chỉ IELTS	CNTT cơ bản				
97	Hoàng Thị Kim Dung	11/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Anh văn C1	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
98	Vũ Thị Vân Anh	25/3/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Tiếng Anh	Anh văn B2; chứng chỉ tiếng Trung Quốc	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ			
99	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	03/02/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
100	Nguyễn Thị Thu Trí	30/4/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Tổng phụ trách đội	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Văn học	Anh văn B1	Tin học B	Chứng chỉ	Nghiệp vụ Đoàn - Đội		
101	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng Trung A	CNTT cơ bản				
102	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	05/10/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Anh văn bậc 4; tiếng Trung HSK cấp 3	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
103	Phạm Thị Nga	26/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
104	Nguyễn Ngọc Phương Thanh	27/12/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật lý-Tin học	Anh văn B1	B				
105	Văn Thị Bích Tuyền	17/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B	A				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
106	Nguyễn Kim Thor	21/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
107	Trịnh Thị Thủy Anh	16/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
108	Nguyễn Bảo Nhơn	20/02/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B	B				
109	Nguyễn Hữu Nhơn	15/02/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
110	Trịnh Anh Tuấn	19/01/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
111	Trần Đình Thiện	20/01/1982	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý		CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
112	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	06/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
113	Hồ Dương Minh Đức	26/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Anh văn C1; tiếng Trung HSK 3	B				
114	Trương Nguyễn Yến Ngọc	11/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Văn học	Anh văn B1	MOS (Word, Excel, PowerPoint)	Chứng chỉ			
115	Nguyễn Đặng Thảo Quyên	28/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện

Tổng cộng có 216 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Giáo viên (khối MN: 42, khối Tiểu học: 59, khối THCS: 115)

UBND QUẬN TÂN BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2022 - 2023 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: NHÂN VIÊN)

(kèm theo Thông báo số 120 /TB-HĐTDVC ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẠC MÀM NON													
1	Phạm Ngọc Xuân	11/11/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 1	Đại học	Luật Kinh tế	Anh văn chuẩn đầu ra ĐH	CNTT cơ bản	Quản trị VP và công tác VT, LT		
2	Lý Kim Ngọc	30/7/1988	Nữ	Hoa	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 4	Đại học	Kế toán - kiểm toán		B	Trung cấp Văn thư - Lưu trữ	Dân tộc Hoa	Gửi đường bưu điện
3	Phạm Thị Nhung	07/02/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 2	Đại học	Kế toán tài chính	Anh văn B	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		Giấy xác nhận đang học lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên
4	Nguyễn Thị Hiệp An	04/7/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 13	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B			
5	Nguyễn Thị Hồng Ân	15/9/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 6	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh văn B	Trung cấp Khoa học máy tính	Quản trị VP và công tác VT, LT		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
CẤP TIÊU HỌC													
1	Nguyễn Thị Miên	03/5/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Anh văn B	A			
2	Nguyễn Thị Thùy	13/09/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Điều dưỡng	Anh văn B	CNTT cơ bản			
3	Trần Thị Thùy Dung	06/4/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn A2	A			
4	Lê Thị Hồng Cúc	08/10/1969	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn B	A			
5	Lê Hoàn Trí Dũng	28/5/1994	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Trung cấp	Quản trị mạng					
6	Trần Thị Lựu	16/02/1994	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Cao đẳng	Công tác xã hội	Anh văn B	A	bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ GD đặc biệt		
7	Nguyễn Thị Xuân Mai	15/06/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Điều dưỡng	Anh văn	Tin học ứng dụng	Trung cấp Văn thư - Lưu trữ		
8	Cao Thị Duyên	02/5/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Kế toán tài chính	A	Tin học văn phòng	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Loan	25/06/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	CNTT nâng cao	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
10	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/05/1979	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A			
11	Huỳnh Thị Hồng Đào	17/05/1991	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Trung cấp	Sư phạm tiểu học		CNTT cơ bản	Chứng chỉ Giáo dục đặc biệt		
12	Bùi Thanh Phong	18/7/1979	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	B	B	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
13	Nguyễn Thị Minh Hiên	10/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn A2	B	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
14	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	11/8/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Kế toán	Đại học Ngữ văn Anh	B	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
15	Nguyễn Thị Gái	28/07/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Kế toán	TOEIC 630	CNTT nâng cao			
16	Đặng Thị Thúy Vân	06/05/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh văn A2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ													
1	Phan Nguyễn Anh Thư	15/08/1995	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường THCS Võ Văn Tần	Cao đẳng	Thiết kế đồ họa	Cao đẳng tiếng Anh (GCN tốt nghiệp tạm thời)	Tin học VP nâng cao			
2	Lê Ngọc Thiên Hương	23/09/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Toeic 635	A	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
3	Võ Đình Nhã Uy	10/4/1982	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Kế toán	Trung cấp Tin học ứng dụng	Đại học Ngôn ngữ Anh	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
4	Hoàng Thị Thanh	19/4/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Cao đẳng	Khoa học thư viện	Anh văn A	CNTT nâng cao			
5	Lê Nghi Lập	24/11/1986	Nam	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Anh văn B	CNTT cơ bản	Chứng chỉ		
6	Thiều Thị Nhã Trang	14/02/1981	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Âu Lạc	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		

Tổng cộng có 27 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Nhân viên (khối MN: 05, khối Tiểu học: 16, khối THCS: 06)